

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu về gói thầu.

1. Phạm vi công việc của gói thầu: Thi công xây dựng hoàn chỉnh theo đúng yêu cầu của bản vẽ thiết kế, dự toán được duyệt và chỉ dẫn của E-HSMT.

- Tên gói thầu: Thi công xây dựng.

- Dự án: Nâng cấp tuyến đường kết nối Quốc lộ 1A - Đảng ủy xã An Hữu mới - Đường tỉnh 864 thuộc xã Hòa Hưng, Mỹ Lương.

- Nhóm, loại, cấp công trình: Nhóm C, công trình giao thông, cấp IV.

- Địa điểm xây dựng: xã An Hữu.

*Quy mô dự án:

Tổng chiều dài thiết kế khoảng 6.651,3m (gồm 2 đoạn), nền đường rộng 5,0m, mặt đường rộng 4,0m, kết cấu mặt đường láng nhựa, tải trọng thiết kế trục xe 10 tấn.

2. Thời hạn hoàn thành: **150 ngày**, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, bao gồm cả những ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày nghỉ lễ theo quy định.

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện.

Từ khi hợp đồng có hiệu lực đến khi hoàn thành hợp đồng không vượt quá 150 ngày. Yêu cầu nhà thầu lập tổng tiến độ thể hiện tiến độ hoàn thành cho từng giai đoạn thi công xây dựng. Tiến độ phải dựa trên định mức nhân công, ca máy và khả năng thi công thực tế của nhà thầu.

III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật.

- Toàn bộ các yêu cầu về mặt kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật phải được soạn thảo dựa trên cơ sở quy mô, tính chất của dự án, gói thầu và tuân thủ quy định của pháp luật xây dựng chuyên ngành về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

- Yêu cầu về mặt kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình:

(Ngoài phần giới thiệu sau đây, nhà thầu phải tuyệt đối tuân thủ các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn hiện hành của nhà nước)

1.1. Phải thực hiện kiểm tra, nghiệm thu từng cấu kiện, bộ phận, giai đoạn. Đạt yêu cầu mới được thi công các việc tiếp theo.

- Trong mọi trường hợp, các sản phẩm xây lắp, các công việc và giai đoạn thi công đều phải được chủ đầu tư (hoặc tư vấn giám sát) nghiệm thu mới được thi công các phần việc tiếp theo.

- Các sản phẩm xây lắp sau khi được nghiệm thu để thực hiện các bước tiếp theo, nhà thầu vẫn phải có trách nhiệm bảo quản cho đến khi nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng. Mọi vấn đề phát sinh nếu có đều thuộc về trách nhiệm của nhà thầu.

1.2. Các Tiêu chuẩn nghiệm thu:

- Tổ chức thi công; Quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng; Cốt liệu cho bê tông và vữa; Yêu Cầu kỹ thuật; Kỹ thuật đo đạc phục vụ công tác thi công; Xi măng portland hỗn hợp; Nhựa đường. Yêu cầu kỹ thuật; Nước cho bê tông và vữa. Yêu cầu kỹ thuật; Kết cấu gạch đá.

- Quy phạm thi công và nghiệm thu; Thép cốt bê tông- Phần 2: Thép thanh vằn; Thép cốt bê tông - Hàn hồ quang; Nhựa đường; An toàn điện trong xây dựng. Yêu cầu chung; Phòng cháy chữa cháy - Từ vựng - Phát hiện cháy và báo động cháy; Công tác hoàn thiện trong xây dựng - Thi công và nghiệm thu - Phần 1: Công tác lát và láng trong xây dựng;

- Công tác hoàn thiện trong xây dựng - Thi công và nghiệm thu - Phần 2: Công tác trát trong xây dựng; Công tác hoàn thiện trong xây dựng - Thi công; Quản lý chất lượng xây lắp công trình xây dựng. Nguyên tắc cơ bản.

- Tất cả các tiêu chuẩn trên phải phù hợp với quy định hiện hành và còn hiệu lực.

2. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát:

- Phương án thi công của nhà thầu phải tuân thủ theo E-HSMT. Bố trí nhân sự, cán bộ chủ chốt và tổ chức hiện trường của nhà thầu phải đúng theo hồ sơ dự thầu.

- Tất cả các công việc thi công và công tác giám sát, nghiệm thu thuộc gói thầu này đều phải tuân thủ theo các văn bản quản lý của nhà nước về xây dựng hiện hành. Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về việc quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây:

2.1. Quản lý chất lượng công trình.

- Nhà thầu phải lập hệ thống đảm bảo chất lượng thi công phù hợp với các yêu cầu về chỉ dẫn kỹ thuật trong các yêu cầu theo các tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành.

- Chủ đầu tư có quyền kiểm tra bất cứ khâu nào trong hệ thống quản lý chất lượng của Nhà thầu.

- Việc chấp hành đúng hệ thống bảo đảm chất lượng không hề miễn cho nhà thầu khỏi các nhiệm vụ và trách nhiệm trong hợp đồng.

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về sự đầy đủ, ổn định và an toàn trong mọi công tác trên công trường và mọi biện pháp thi công.

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về toàn bộ các hạng mục công trình tạm và các vật liệu sử dụng cho hạng mục đó.

- Nhà thầu phải báo cáo tiến độ thi công hàng tuần, hàng tháng và gửi cho Chủ đầu tư. Nội dung báo cáo gồm:

- + Công việc đã thực hiện trong tuần, tháng. So sánh với kế hoạch đã đề ra.
- + Kế hoạch công việc tuần, tháng tiếp theo.
- + Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thi công và những biện pháp khắc phục.

- Công tác kiểm tra chất lượng phải ghi rõ các kết quả kiểm tra, các thông số đo đạc về kích thước hình học, cao độ, cùng các chỉ tiêu kỹ thuật khác như các kết quả thí nghiệm vật liệu, thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý đất đá cùng các yêu cầu khác liên quan. Kết quả kiểm tra chất lượng phải được ghi rõ vào biên bản kiểm tra, đặc biệt là các hạng mục công trình ẩn dấu.

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về công trình như chất lượng vật liệu và sản phẩm thi công của mình, có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các số liệu thí nghiệm, các chứng chỉ vật liệu và các thành phần cấu thành hạng mục công trình trước khi đưa vào thi công, cũng như khi có yêu cầu của Chủ đầu tư có thể sử dụng các số liệu của nhà thầu làm căn cứ để nghiệm thu công trình.

- Trong suốt quá trình thi công, nhà thầu phải thực hiện mọi giám sát cần thiết để lập kế hoạch, bố trí, hướng dẫn, quản lý kiểm tra và thử nghiệm đối với công việc.

- Khi kiểm tra lại các hạng mục công trình hoặc nguyên vật liệu thi công có kết quả không đạt tiêu chuẩn kỹ thuật thì nhà thầu phải tiến hành hủy bỏ ngay việc sửa chữa hoặc phá dỡ các sản phẩm, các nguyên vật liệu đó.

2.2. Nhân lực của nhà thầu:

- Nhân lực của nhà thầu phải có trình độ chuyên môn, kỹ năng, kinh nghiệm phù hợp với yêu cầu của E-HSMT. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu điều đi (hoặc bắt buộc điều đi) bất kỳ người nào được thuê trên công trường, bao gồm cả đại diện nhà thầu nếu nằm trong các diện phải xử lý sau:

- Không chịu hợp tác với Chủ đầu tư trong việc thực hiện công việc.
- Không chấp hành các yêu cầu kỹ thuật theo sự chỉ dẫn của Chủ đầu tư, gây ảnh hưởng đến chất lượng công trình.
- Cố ý làm những việc gây phương hại đến an toàn, sức khỏe hoặc bảo vệ môi trường, hoặc những việc trái với pháp luật Việt Nam.
- Mọi thay đổi hoặc bổ sung của tổ chức bộ máy nhân sự hoặc các nhân viên chủ chốt phải được sự phê chuẩn của Chủ đầu tư.

3. Yêu cầu về giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công.

3.1. Giải pháp kỹ thuật.

- Giải pháp kỹ thuật giao thông các tuyến đường chính vào công trình.
- Giải pháp kỹ thuật về công tác chuẩn bị khởi công.

- Giải pháp kỹ thuật đối với tổ chức mặt bằng công trường.
- Giải pháp kỹ thuật đo đạc, định vị công trình.
- Giải pháp kỹ thuật các công tác thi công hạng công việc.

3.2. Biện pháp tổ chức thi công.

- Có đề xuất đầy đủ và đúng trình tự về biện pháp thi công các công tác của hạng mục công việc chính (đính kèm đầy đủ bản vẽ biện pháp thi công).
- Có biện pháp đảm bảo giao thông trong quá trình thi công (biển báo, rào chắn,...vv.) không làm ảnh hưởng đến giao thông qua lại của người dân xung quanh tại địa điểm xây dựng.
- Nhà thầu có giấy cam kết trong quá trình thi công không làm thay đổi hiện trạng các công trình hiện hữu, các công trình lân cận. Trường hợp trong quá trình thi công làm thay đổi hiện trạng hư hỏng các công trình này nhà thầu phải chịu trách nhiệm khắc phục.

4. Tiến độ thi công.

- Thời gian thi công: Đảm bảo thời gian thi công không quá 150 ngày có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công.
- Tính phù hợp giữa biểu đồ huy động vật tư và biểu đồ huy động tài chính phù hợp tiến độ thi công.
- Có biểu đồ tiến độ thi công chi tiết, biểu đồ huy động vật tư và biểu đồ huy động tài chính hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

5. Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường.

- Có thuyết minh, thể hiện rõ hệ thống quản lý dự án từ Công ty, của từng thành viên liên danh (nếu có) cho tới Ban chỉ huy công trường trong việc cung ứng nhân lực, thiết bị, nguồn lực tài chính cho gói thầu.
- Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm từng thành viên, nhân sự chủ chốt theo yêu cầu của E-HSMT và hợp lý.
- Trường hợp nhà thầu liên danh, phải có phân công trách nhiệm, phối hợp giữa các thành viên trong quản lý, điều hành thi công, trong giải quyết khi bất kỳ một thành viên nào không còn khả năng để tiếp tục thi công xây dựng, khi công trình có tồn tại về chất lượng, tiến độ.

6. Các biện pháp bảo đảm chất lượng.

- Có biện pháp bảo đảm chất lượng trong từng hạng mục công tác thi công xây dựng công trình.
- Có biện pháp bảo đảm chất lượng vật tư, vật liệu để phục vụ trong công tác thi công.

7. Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động.

- Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường, hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.
- Có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, khói, bụi, rung trong qua trình thi công.
- Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.
- Có biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và phù hợp quy định của pháp luật.
- Nhà thầu có bố trí chi phí đảm bảo an toàn lao động phù hợp quy định của pháp luật hiện hành.
- Trách nhiệm của nhà thầu sử dụng lao động khi công trường xảy ra tai nạn lao động và phù hợp quy định của pháp luật.

8. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì.

- Có đề xuất thời gian lớn hơn hoặc bằng 12 tháng và trình bày quy trình bảo hành, bảo trì công trình.

9. Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

- Nhà thầu không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu.
- Nhà thầu không có hợp đồng tương tự bị kết luận vi phạm hợp đồng, bị chấm dứt hợp đồng do lỗi của nhà thầu.
- Nhà thầu không vi phạm các điểm a), b), c), d), đ), e), g), h) và điểm i) tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

10. Các yếu tố sử dụng các vật tư, vật liệu cho công trình.

- Đảm bảo chất lượng, chủng loại vật tư theo yêu cầu thiết kế, tất cả các vật tư đều được thông qua và được sự đồng ý của chủ đầu tư.
- Trang thiết bị xây lắp phải được chủ đầu tư nghiệm thu mẫu trước khi cung cấp và lắp đặt đến hiện trường.
- Khi có yêu cầu nhà thầu phải tạo điều kiện trình lai lịch xuất xứ từ nơi sản xuất, trình phiếu kiểm tra chất lượng mặt hàng.
- Một số mặt hàng cần mẫu thử nhà thầu phải tiến hành thử nghiệm đúng nơi kiểm tra theo yêu cầu của Chủ đầu tư cũng như các ban ngành hữu quan.
- Những mặt hàng nào không đảm bảo chất lượng, mẫu mã...theo yêu cầu đều được đưa ngay ra khỏi công trình trong vòng 24 giờ.
- Bảng yêu cầu chủng loại vật tư, E-HSMT chỉ ghi vật tư đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, nhưng khi dự thầu *Nhà thầu phải ghi rõ thương hiệu và xuất xứ của từng chủng loại vật tư, không được ghi quá nhiều loại hoặc ghi tương đương để dễ*

dùng trong giai đoạn đánh giá E-HSDT cũng như quản lý trong giai đoạn thi công, nếu nhà thầu không thực hiện như trên xem như không đáp ứng yêu cầu.

STT	Tên vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thương hiệu, Xuất xứ
1	ĐOẠN 1 (TỪ CẦU CÔNG TRƯỜNG ĐẾN ĐT.864)			
1	Biển báo chữ nhật phản quang	cái	Đạt QCVN 41:2024/BGTVT, yêu cầu thiết kế	Gia công theo bản vẽ
2	Biển báo tam giác phản quang	cái	Đạt QCVN 41:2024/BGTVT, yêu cầu thiết kế	Gia công theo bản vẽ
3	Biển báo tròn phản quang	cái	Đạt QCVN 41:2024/BGTVT, yêu cầu thiết kế	Gia công theo bản vẽ
4	Cấp phối đá dăm loại II, Dmax=37,5mm	m3	Đạt TCVN 8859-2023, yêu cầu thiết kế	Việt Nam (Đồng Nai) hoặc tương đương
5	Cát vàng	m3	Đạt TCVN 7570 : 2006, yêu cầu thiết kế	Việt Nam hoặc tương đương
6	Cồn rửa	kg	Đạt yêu cầu kỹ thuật	Việt Nam sản xuất
7	Cừ tràm L=4,7m, Dgốc 8-10cm, Dngọn >=4cm	m	Tươi thẳng, Đạt yêu cầu thiết kế	Việt Nam sản xuất
8	Đá 0,5x1	m3	Đạt TCVN 8863-2011, yêu cầu thiết kế	Việt Nam sản xuất
9	Đá 0,5x1,6	m3	Đạt TCVN 8863-2011, yêu cầu thiết kế	Việt Nam sản xuất
10	Đá 1x2	m3	Đạt TCVN 7570 : 2006, yêu cầu thiết kế	Việt Nam sản xuất
11	Đất dính	m3	Đạt TCVN 9436:2012,	Việt Nam sản xuất

			4054:2006, yêu cầu thiết kế	
12	Dầu hỏa	kg	Đạt yêu cầu kỹ thuật	Việt Nam, Petrolimex hoặc tương đương
13	Dây thép	kg	Đạt yêu cầu kỹ thuật	Việt Nam sản xuất
14	Đinh	kg	Đạt yêu cầu kỹ thuật	Việt Nam sản xuất
15	Đinh 6cm	kg	Đạt yêu cầu kỹ thuật	Việt Nam sản xuất
16	Gỗ chống	m3	Nhóm IV	Việt Nam sản xuất
17	Gỗ đà nẹp	m3	Nhóm IV	Việt Nam sản xuất
18	Gỗ ván	m3	Nhóm IV	Việt Nam sản xuất
19	Gỗ ván (cả nẹp)	m3	Nhóm IV	Việt Nam sản xuất
20	Lưới gân khổ 1,0m	m	Đạt yêu cầu kỹ thuật	Việt Nam sản xuất
21	Măng sông nhựa D315mm	cái	Đạt yêu cầu thiết kế	Việt Nam, Tiên Phong hoặc tương đương
22	Nhựa bitum	kg	Đạt TCVN 8863-2011, 7493-2005, yêu cầu thiết kế	loại 60/70. Nhập khẩu (Công ty TNHH Cung ứng Nhựa đường (ADCo) hoặc tương đương)
23	Nhựa dán	kg	Đạt yêu cầu kỹ thuật	Việt Nam sản xuất
24	Nhựa đường	kg	Đạt TCVN 8863-2011, 7493-2005, yêu cầu thiết kế	loại 60/70. Nhập khẩu (Công ty TNHH Cung ứng Nhựa đường (ADCo) hoặc tương đương)
25	Nước	lít	Đạt TCVN 4506-2012	Việt Nam sản xuất
26	Ống nhựa HDPE D500mm, dày 23,9mm	m	Đạt yêu cầu thiết kế	Việt Nam, Tiên Phong hoặc tương đương

27	Ống nhựa PVC D315mm, dày 15mm	m	Đạt yêu cầu thiết kế	Việt Nam, Tiên Phong hoặc tương đương
28	Que hàn	kg	Đạt yêu cầu kỹ thuật	Việt Nam, Kim Tín hoặc tương đương
29	Sơn	kg	Đạt yêu cầu kỹ thuật	Việt Nam, Bạch Tuyết hoặc tương đương
30	Thép tròn 6mm	kg	Đạt TCVN 1651-2018, mức thép đạt yêu cầu thiết kế	Việt Nam, Vina Kyoei hoặc tương đương
31	Thép tròn fi 10 mm	kg	Đạt TCVN 1651-2018, mức thép đạt yêu cầu thiết kế	Việt Nam, Vina Kyoei hoặc tương đương
32	Thép tròn fi 16 mm	kg	Đạt TCVN 1651-2018, mức thép đạt yêu cầu thiết kế	Việt Nam, Vina Kyoei hoặc tương đương
33	Thép tròn fi 20 mm	kg	Đạt TCVN 1651-2018, mức thép đạt yêu cầu thiết kế	Việt Nam, Vina Kyoei hoặc tương đương
34	Thép tròn fi 4mm	kg	Đạt TCVN 1651-2018, mức thép đạt yêu cầu thiết kế	Việt Nam, Vina Kyoei hoặc tương đương
35	Thép tròn fi 6mm	kg	Đạt TCVN 1651-2018, mức thép đạt yêu cầu thiết kế	Việt Nam, Vina Kyoei hoặc tương đương
36	Trụ biển báo d90, dày 3,2mm, L=3,0m	m	Đạt QCVN 41:2024/BGTVT, yêu cầu thiết kế	Gia công theo bản vẽ
37	Trụ biển báo d90, dày 3,2mm, L=3,5m	m	Đạt QCVN 41:2024/BGTVT, yêu cầu thiết kế	Gia công theo bản vẽ
38	Ván khuôn	m3	Nhóm IV	Việt Nam sản xuất

39	Xi măng PCB40	kg	Đạt TCVN 6260-2020, yêu cầu thiết kế	Việt Nam, Vicem Hà Tiên hoặc tương đương
2	ĐOẠN 2 - TỪ ĐT.864 ĐẾN ĐƯỜNG VÀO TRƯỜNG THCS MỸ LƯƠNG			
1	Biển báo chữ nhật phản quang	cái	Đạt QCVN 41:2024/BGTVT, yêu cầu thiết kế	Gia công theo bản vẽ
2	Biển báo tam giác phản quang	cái	Đạt QCVN 41:2024/BGTVT, yêu cầu thiết kế	Gia công theo bản vẽ
3	Biển báo tròn phản quang	cái	Đạt QCVN 41:2024/BGTVT, yêu cầu thiết kế	Gia công theo bản vẽ
4	Cấp phối đá dăm loại II, Dmax=37,5mm	m3	Đạt TCVN 8859-2023, yêu cầu thiết kế	Việt Nam (Đồng Nai) hoặc tương đương
5	Cát mịn	m3	Đạt TCVN 7570 : 2006, yêu cầu thiết kế	Việt Nam hoặc tương đương
6	Cát vàng	m3	Đạt TCVN 7570 : 2006, yêu cầu thiết kế	Việt Nam hoặc tương đương
7	Cồn rửa	kg	Đạt yêu cầu kỹ thuật	Việt Nam sản xuất
8	Cừ tràm L=4,7m, Dgốc 8-10cm, Dngọn >=4cm	m	Tươi thẳng, Đạt yêu cầu thiết kế	Việt Nam sản xuất
9	Đá 0,5x1	m3	Đạt TCVN 8863-2011, yêu cầu thiết kế	Việt Nam sản xuất
10	Đá 0,5x1,6	m3	Đạt TCVN 8863-2011, yêu cầu thiết kế	Việt Nam sản xuất

11	Đá 1x2	m3	Đạt TCVN 7570 : 2006, yêu cầu thiết kế	Việt Nam sản xuất
12	Đất dính	m3	Đạt TCVN 9436:2012, 4054:2006, yêu cầu thiết kế	Việt Nam sản xuất
13	Dầu hỏa	kg	Đạt yêu cầu kỹ thuật	Việt Nam, Petrolimex hoặc tương đương
14	Dây thép	kg	Đạt yêu cầu kỹ thuật	Việt Nam sản xuất
15	Đinh	kg	Đạt yêu cầu kỹ thuật	Việt Nam sản xuất
16	Đinh 6cm	kg	Đạt yêu cầu kỹ thuật	Việt Nam sản xuất
17	Gạch ống (8x8x18)cm	viên	Đạt yêu cầu kỹ thuật	Việt Nam sản xuất
18	Gỗ ván (cả nẹp)	m3	Nhóm IV	Việt Nam sản xuất
19	Lưới gân khổ 1,0m	m	Đạt yêu cầu kỹ thuật	Việt Nam sản xuất
20	Măng sông nhựa D200mm	cái	Đạt yêu cầu thiết kế	Việt Nam, Tiền Phong hoặc tương đương
21	Măng sông nhựa D400mm	cái	Đạt yêu cầu thiết kế	Việt Nam sản xuất
22	Nhựa bitum	kg	Đạt TCVN 8863-2011, 7493-2005, yêu cầu thiết kế	loại 60/70. Nhập khẩu (Công ty TNHH Cung ứng Nhựa đường (ADCo) hoặc tương đương)
23	Nhựa dán	kg	Đạt yêu cầu kỹ thuật	Việt Nam sản xuất
24	Nhựa đường	kg	Đạt TCVN 8863-2011, 7493-2005, yêu cầu thiết kế	loại 60/70. Nhập khẩu (Công ty TNHH Cung ứng Nhựa đường (ADCo) hoặc tương đương)
25	Nước	lít	Đạt TCVN 4506-2012	Việt Nam sản xuất

26	Ống nhựa HDPE D500mm, dày 23,9mm	m	Đạt yêu cầu thiết kế	Việt Nam, Tiền Phong hoặc tương đương
27	Ống nhựa PVC D200mm, dày 9,6mm	m	Đạt yêu cầu thiết kế	Việt Nam, Tiền Phong hoặc tương đương
28	Ống nhựa PVC D21mm dày 1,6	m	Đạt yêu cầu thiết kế	Việt Nam, Tiền Phong hoặc tương đương
29	Ống nhựa PVC D34mm dày 2mm	m	Đạt yêu cầu thiết kế	Việt Nam, Tiền Phong hoặc tương đương
30	Ống nhựa PVC D400mm, dày 19,1mm	m	Đạt yêu cầu thiết kế	Việt Nam, Tiền Phong hoặc tương đương
31	Que hàn	kg	Đạt yêu cầu kỹ thuật	Việt Nam, Kim Tín hoặc tương đương
32	Sơn	kg	Đạt yêu cầu kỹ thuật	Việt Nam, Bạch Tuyết hoặc tương đương
33	Thép tròn 6mm	kg	Đạt TCVN 1651-2018, mức thép đạt yêu cầu thiết kế	Việt Nam, Vina Kyoei hoặc tương đương
34	Thép tròn fi 12 mm	kg	Đạt TCVN 1651-2018, mức thép đạt yêu cầu thiết kế	Việt Nam, Vina Kyoei hoặc tương đương
35	Thép tròn fi 4mm	kg	Đạt TCVN 1651-2018, mức thép đạt yêu cầu thiết kế	Việt Nam, Vina Kyoei hoặc tương đương
36	Trụ biển báo d90, dày 3,2mm, L=3,0m	m	Đạt QCVN 41:2024/BGTVT, yêu cầu thiết kế	Gia công theo bản vẽ
37	Trụ biển báo d90, dày 3,2mm, L=3,5m	m	Đạt QCVN 41:2024/BGTVT, yêu cầu thiết kế	Gia công theo bản vẽ

38	Ván khuôn	m3	Nhóm IV	Việt Nam sản xuất
39	Xi măng PCB40	kg	Đạt TCVN 6260-2020, yêu cầu thiết kế	Việt Nam, Vicem Hà Tiên hoặc tương đương

IV. Các bản vẽ.

- Được scan thành file PDF hoặc Autocad, gửi kèm theo E-HSMT.

*Ghi chú:

- *Thuế VAT trong đơn giá tính 8%. Khi thanh toán - quyết toán công trình tùy vào thời điểm khối lượng thực tế thi công hoàn thành sẽ áp dụng mức thuế VAT theo quy định hiện hành. Do đó khi tham gia dự thầu nhà thầu phải dự với mức thuế suất là 8%.*